

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/ HNGĐ - ST
Ngày 19/9/2025
Về việc “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Kiều Việt Phương.
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Y Lúa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2025/TLST- HNGĐ ngày 29/7/2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 04/9/2025 của TAND Khu vực 5 - Quảng Ngãi; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1980.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Thu V, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn KT1, xã Đ C, tỉnh Quảng Ngãi. Anh M, Chị V có mặt.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội. (Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Nghĩa Hành (cũ). Nay là Phòng giao dịch ngân hàng chính sách Nghĩa Hành.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn K - chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội Nghĩa Hành. Theo ủy quyền tại QĐ số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH. Ông Kha vắng mặt và đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn M trình bày:*

Anh M và chị quen nhau tự nguyện rồi đến với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2011 (Nay là xã Đình Cương, tỉnh Quảng Ngãi). Trong

quá trình chung sống có những bất đồng nên cuộc sống không hạnh phúc. Anh M và Chị V đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay anh M xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên anh M yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh M được ly hôn với chị Trần Thị Thu V.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Thúy Viên, sinh ngày 03/10/2008 và Trần Ngọc Ngọc T, sinh ngày 24/5/2015. Khi ly hôn, anh M đồng ý để Chị V trực tiếp nuôi hai con. Anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi Trần Thị Thúy Viên, sinh ngày 03/10/2008 hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng và Trần Ngọc Ngọc T, sinh ngày 24/5/2015 hàng tháng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh M trình bày có nợ Ngân hàng chính sách xã hội (phòng giao dịch huyện Nghĩa Hành) số tiền 63.345.617 đồng.

Khi ly hôn, anh M đồng ý để anh M chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Chị V không có liên quan trong việc trả nợ.

-Ấn phí: Anh Trần Văn M tự nguyện chịu.

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị Thu V trình bày:*

Chị V và anh M quen nhau tự nguyện rồi đến với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2011 (Nay là xã Đình Cương, tỉnh Quảng Ngãi). Trong quá trình chung sống có những bất đồng nên cuộc sống không hạnh phúc. Hiện nay Chị V, anh M đã sống ly thân không còn tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, hòa giải vì các con còn tuổi ăn học nên Chị V không muốn ly hôn nhưng chị xác định là giữa chị và anh M đã không còn tình cảm. Nay, anh Trần Văn M cương quyết ly hôn thì Chị V đồng ý ly hôn.

-Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Thúy Viên, sinh ngày 03/10/2008 và Trần Ngọc Ngọc T, sinh ngày 24/5/2015. Khi ly hôn, Chị V đồng ý trực tiếp nuôi hai con. Anh M cấp dưỡng nuôi Trần Thị Thúy Viên, sinh ngày 03/10/2008 hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng và Trần Ngọc Ngọc T, sinh ngày 24/5/2015 hàng tháng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị V đồng ý.

-Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội (phòng giao dịch huyện Nghĩa Hành) số tiền 63.345.617 đồng.

Khi ly hôn, anh M đồng ý trả nợ cho Ngân hàng. Chị V không có liên quan trong việc trả nợ.

-Ấn phí: Anh M tự nguyện nộp Chị V đồng ý.

** Tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội, ông Đỗ Văn Kha trình bày:*

Năm 2016 và năm 2021 vợ chồng anh Trần Văn M có vay tại Ngân hàng chính sách 02 món vay để làm nhà và trồng keo. Tính đến ngày 19/9/2025 anh Trần Văn M, chị Trần Thị Thu V còn nợ Ngân hàng chính sách tổng cộng hai món vay là: 63.345.617 đồng.

Anh Trần Văn M trình bày và chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đồng ý để anh Trần Văn M có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, Điều 81, 82, 83, 84, Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Hôn nhân: Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn M và chị Trần Thị Thu V; Về con chung: giao hai con chung tên Trần Thị Thúy Viên, sinh ngày 03/10/2008 và Trần Ngọc Ngọc T, sinh ngày 24/5/2015. Anh Trần Văn M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Trần Thị Thúy Viên, sinh ngày 03/10/2008 hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng và Trần Ngọc Ngọc T, sinh ngày 24/5/2015 hàng tháng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Cho đến khi các con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung không yêu cầu; Nợ chung: Tính đến ngày 19/9/2025 anh Trần Văn M, chị Trần Thị Thu V còn nợ Ngân hàng chính sách tổng cộng hai món vay là: 63.345.617 đồng. Anh Trần Văn M trình bày và chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và Ngân hàng cũng đồng ý. Do vậy, ghi nhận việc anh Trần Văn M tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Án phí: Anh Trần Văn M tự nguyện chịu án phí thuận tình ly hôn và chịu án phí cấp dưỡng; án phí về nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh M khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với chị Trần Thị Thu V, Chị V có nơi cư trú tại xã Đình Cương, tỉnh Quảng Ngãi do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5- Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh M và Chị V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Đình Cương, tỉnh Quảng Ngãi) vào năm 2011, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh M có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tình trạng hôn nhân giữa anh M và Chị V đã không còn hạnh phúc. Anh M, Chị V đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay không có quan tâm nhau. Việc anh M yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ. Tại phiên tòa chị Trần Thị Thu V đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn M và chị Trần Thị Thu V là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Thúy Viên, sinh ngày 03/10/2008 và Trần Ngọc Ngọc T, sinh ngày 24/5/2015.

Khi ly hôn, anh M đồng ý để Chị V trực tiếp nuôi hai con. Anh M cấp dưỡng nuôi Trần Thị Thúy Viên, sinh ngày 03/10/2008 hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng và Trần Ngọc Ngọc T, sinh ngày 24/5/2015 hàng tháng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị Thu V đồng ý với trình bày và yêu cầu giải quyết về con chung, mức cấp dưỡng nuôi con như anh M trình bày.

Tại bản trình bày nguyện vọng của các cháu Trần Thị Thúy Viên và Trần Ngọc Ngọc T đều có nguyện vọng được trực tiếp sống với chị Trần Thị Thu V. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung cho chị Trần Thị Thu V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con Trần Thị Thúy Viên, sinh ngày 03/10/2008 hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng và Trần Ngọc Ngọc T, sinh ngày 24/5/2015 hàng tháng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ghi nhận việc anh Trần Văn M chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính xã hội tổng cộng hai món vay là: 63.345.617 đồng. Trong đó nợ gốc mã món vay 6600000707782999 ngày 21/6/2016 là 13.000.000 đồng; lãi suất 3%/năm tính đến ngày 19/9/2025 tiền lãi là: 30.986 đồng; Nợ gốc mã món vay 6600000720247052 ngày 21/4/2021 là 50.000.000 đồng, lãi suất 7,92%/năm, tính đến ngày 19/9/2025 tiền lãi là 314.631 đồng. Kể từ ngày 20/9/2025 anh Trần Văn M phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho ngân hàng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn M tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí về việc thuận tình ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng. Đối với án phí về nghĩa vụ tài sản do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ trả nợ trước khi mở phiên tòa nên anh Trần Văn M phải chịu 50% án phí là 1.583.640 đồng án phí về nghĩa vụ tài sản theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a Khoản 6; khoản 7 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227 Điều 228; Điều 260, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84, Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a Khoản 6; khoản 7 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn M.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn M và chị Trần Thị Thu V.

2. Về con chung:

Giao hai con chung tên Trần Thị Thúy Viên, sinh ngày 03/10/2008 và Trần Ngọc Ngọc T, sinh ngày 24/5/2015 cho chị Trần Thị Thu V trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Trần Thị Thúy Viên, sinh ngày 03/10/2008 hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng và Trần Ngọc Ngọc T, sinh ngày 24/5/2015 hàng tháng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84, Điều 116 của Luật HNGD.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Tài sản chung: Không giải quyết.

4. Nợ chung: Ghi nhận việc anh Trần Văn M tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính xã hội tổng cộng hai món vay tạm tính đến ngày 19/9/2025 gốc và lãi là: 63.345.617 đồng.

Trong đó:

Nợ gốc mã món vay 6600000707782999 ngày 21/6/2016 là 13.000.000 đồng; lãi suất 3%/năm tính đến ngày 19/9/2025 tiền lãi là: 30.986 đồng;

Nợ gốc mã món vay 6600000720247052 ngày 21/4/2021 là 50.000.000 đồng, lãi suất 7,92%/năm, tính đến ngày 19/9/2025 tiền lãi là 314.631 đồng.

Kể từ ngày 20/9/2025 cho đến khi thi hành án xong anh Trần Văn M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho ngân hàng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Văn M tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí về việc thuận tình ly hôn và phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng và 1.583.640 đồng án phí về

nghĩa vụ tài sản. Tổng cộng án phíphải chịu 2.033.640 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.925.000 đồng mà anh M đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000395 ngày 29/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Anh Trần Văn M còn phải nộp 108.640 đồng.

6.Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 5 - Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Đình Cương;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Thị Diệu